TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIệPĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HSPT
Ngày 30 tháng 8 năm 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIệPĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm cá:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Thẩm phán: Ông **C Văn Mỹ**

Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

- *Thư ký phiên tòa :* Bà **Lâm Thị Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông **Quan Tuấn Nghiệpĩa**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc th ẩm thụ lý số : 66/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Lê Thị D cùng các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số : 40/2022/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **LÊ THỊ D**, sinh năm 1954, tại tỉnh B;

Nơi cư trú: ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh B; nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Xê (chết) và bà Tô Thị Út (chết); bị cáo có chồng tên Ngô Văn Tùng, sinh năm 1951 và 03 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: 03 lần về hành vi gây rối trật tự công cộng (theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 104/QĐ-XPHC ngày 18 tháng 8 năm 2019 của Công an thành phố Bạc Liêu, tỉnh B; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Công an xã P, thị xã G và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPVPHC ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Công an xã P, thị xã G); Nhân thân: bị cáo bị xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội chống người thi hành công vụ, theo bản án hình sự phúc thẩm số 24/PTHS ngày 27 tháng 8 năm 1998 của Tòa án nhân dân tỉnh B; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2021 đến ngày 28/11/2021 cho tại ngoại; Bị bắt tạm giam lại từ ngày 18/3/2022 đến ngày 27/3/2022 cho tại ngoại (vắng mặt).

2. Họ và tên: **NGÔ VĂN K**, sinh năm 1976, tại tỉnh B;

Nơi cư trú: ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh B; nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Tùng, sinh năm 1951 và bà Lê Thị D, sinh năm 1954

(là bị cáo trong vụ án); bị cáo có vợ tên Giang Thị Kiều Trang, sinh năm 1983 và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/12/2020 đến ngày 09/02/2021 cho tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: **NGÔ VĂN TRẠNG**, sinh năm 1981, tại tỉnh B;

Nơi cư trú: ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh B; nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Tùng, sinh năm 1951 và bà Lê Thị D, sinh năm 1954 (là bị cáo trong vụ án); bị cáo có vợ tên Thái Thị Hồng Ngọc, sinh năm 1984 và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Họ và tên: **NGUYỄN THANH HIỆP**, sinh năm 1972, tại thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh B; nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Thức (chết) và bà Trần Thị Hồng Hoa, sinh năm 1950; bị cáo có vợ tên Ngô Kim C, sinh năm 1992 (là bị cáo trong vụ án) và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2020 đến ngày 03/12/2020 cho tại ngoại (vắng mặt).

5. Họ và tên: **NGÔ KIM C**, sinh năm 1992, tại tỉnh B;

Nơi cư trú: ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh B; nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Tùng, sinh năm 1951 và bà Lê Thị D, sinh năm 1954 (là bị cáo trong vụ án); bị cáo có chồng tên Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972 (là bị cáo trong vụ án) và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (vắng mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo*: Ông **Trần Bá H** , là Luật sư của Công ty luật TNHH MTV **Trần Bá H** thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 63, đường Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghiệpĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê Chí H1** (*Chí Công*), sinh năm 1969; Nơi cư trú: ấp 1, xã T, thành phố C, tỉnh CM (vắng mặt).

2. Ông **Ngô Văn T1**, sinh năm 1951; Nơi cư trú: ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 11 năm 2020, khi phát hiện ông Nguyễn Văn Cẩn là người thuê đất của bà Hồ Thị Kiểng chuẩn bị vật tư để xây dựng trên phần đất thuộc ấp Khúc Tréo B, xã P, thị xã G, tỉnh B thì Lê Thị D cùng với các con gồm: Ngô Văn K, Ngô Văn T, Ngô Kim C và con rể tên Nguyễn Thanh H có hành vi ngăn cản, gây rối trật tự công cộng trước phần đất tại Quốc lộ 1, dẫn đến ùn tắc giao thông trên tuyến Quốc lộ 1, từ Km 2223 đến Km 2225+700, thuộc ấp Khúc Tréo B, xã P, thị xã G, tỉnh B. Ngoài hành vi la hét, xô đẩy người khác thì từng người có hành vi như sau:

Lê Thị D có hành vi đứng giữa lộ dang hai tay nhằm ngăn chặn không cho xe đổ vật tư, ngồi, nằm giữa Quốc lộ 1 và dừng các phương tiện đang tham gia giao thông trên tuyến Quốc lộ 1, đồng thời yêu cầu các con của mình là Ngô Văn K và Ngô Văn T điều khiển xe ôtô chắn ngang Quốc Lộ 1 gây ách tắc giao thông.

Thực hiện theo ý K của Lê Thị D, Ngô Văn K đã điều khiển xe ô tô biển số 69A-013.54; Ngô Văn T điều khiển xe ô tô biển số 51A-592.00 ra phần đường lưu thông của Quốc lộ 1.

Nguyễn Thanh H là con rể của Lê Thị D tiếp tục điều khiển xe ô tô biển số 69A-013.54 lấn qua hết phần đường bên phải hướng Cà Mau – Bạc Liêu.

Ngô Kim C có hành vi nằm, ngồi giữa Quốc lộ 1, trèo lên nóc xe ô tô biển số 69A-013.54, la lớn tiếng nhằm dừng các phương tiện đang tham gia giao thông.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh điều tra đã trích xuất 04 tập tin video ghi lại hình ảnh cũng như hành vi của Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T, Nguyễn Thanh H và Ngô Kim C. Tại kết luận giám định số 6124/C09B ngày 27 tháng 11 năm 2020, của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành Phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa về nội D trong 04 tập tin video cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4;

- Khoảng thời gian hiển thị mà các phương tiện tham gia giao thông trên đường trong nội D tập tin video ký hiệu từ A1 đến A4 bị ùn tắc, đình trệ là: 02 giờ 16 phút 20 giây. Từ thời đểm hiển thị 07 giờ 31 phút 40 giây đến 09 giờ 48 phút 00 giây ngày 24 tháng 11 năm 2020.

- Hình ảnh những đối tượng người xuất hiện trong nội D 04 tập tin video cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 thực hiện hành vi đi ra giữa đường, dừng các phương tiện giao thông, lái xe ô tô chắn ngang đường, lấy ghế ngồi giữa đường được mô tả trong bản ảnh kèm theo kết luận này.

- Vị trí 02 xe ô tô chắn ngang đường không cho các phương tiện giao thông đi lại trên đường trong nội D 04 tập tin video cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4: xe ô tô màu xanh đậu chắn ngang phần đường theo hướng từ phải sang trái màn hình camera; xe ô tô màu đen ban đầu đậu chắn ngang phần đường từ phải sang trái màn hình camera, sau đó di chuyển đậu chắn ngang phần đường theo hướng từ trái sang phải màn hình camera.

- Vị trí 02 xe ô tô chắn ngang đường sau khi được di dời trong nội D 04 tập tin video cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4: xe ô tô màu xanh đứng ở vị trí sát lề đường theo hướng từ phải sang trái màn hình camera; xe ô tô màu đen đứng ở vị trí sát lề đường theo hướng từ trái sang phải màn hình camera.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2022/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T, Nguyễn Thanh H, Ngô Kim C, phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318; Điều 17 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Lê Thị D** 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/9/2021 đến ngày 28/11/2021 và từ ngày 18/3/2022 đến ngày 27/3/2022.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Ngô Văn K** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/12/2020 đến ngày 09/02/2021.

- Xử phạt bị cáo **Ngô Văn T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/11/2020 đến ngày 03/12/2020.

- Xử phạt bị cáo **Ngô Kim C** 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

4.Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 2 và khoản 4 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc xe ô tô, màu đen, loại xe ô tô con, số loại Camry 3.5m, nhãn hiệu TOYOTA biển số 69A - 013.54.

- Đối với 01 chiếc xe ô tô, màu xanh, loại xe ô tô con, số loại F3R, nhãn hiệu BYD, biển số 51A - 592.00: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G thực hiện thông báo công khai, trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có thông báo công khai nếu có tranh chấp về quyền sở hữu thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; sau thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo công khai mà không có tranh chấp về quyền sở hữu thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 12/5/2022 các bị cáo Lê Thị D; Ngô Văn K kháng cáo yêu cầu xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 318 và áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm hình phạt cho các bị cáo.

- Ngày 13/5/2022, các bị cáo Ngô Văn T; Nguyễn Thanh H; Ngô Kim C kháng cáo yêu cầu xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 318 và áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm hình phạt cho các bị cáo.

- Ngày 23/5/2022, bị cáo Nguyễn Thanh H và bị cáo Ngô Kim C kháng cáo bổ sung, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ.

Về nội D: Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T, Nguyễn Thanh H và bị cáo Ngô Kim C về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với bị cáo D đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với các bị cáo K, T, H: có nhân thân tốt, tham gia tội phạm với vai trò là người thực hiện, nhưng làm theo sự yêu cầu của bị cáo D. Sau khi phạm tội, các bị cáo cũng đã thể hiện sự ăn năn hối cải. Do đó, đề nghiệpị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo D từ 03 đến 06 tháng tù, giảm cho các bị cáo K, T, H mỗi bị cáo 03 tháng tù.

Đối với bị cáo Ngô Kim C có nhân thân tốt; Bị cáo phạm tội nghiệpiêm trọng nhưng tham gia với vai trò thứ yếu, có tính chất, mức độ thấp hơn các bị cáo khác. Do đó cần xem xét, cho bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại khoản 4 phần I, Giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ số 01 ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo.

Từ phân tích trên, đề nghiệpị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T, Nguyễn Thanh H; Cho bị cáo Ngô Kim C được hưởng án treo.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm Luật sư Trần Bá Học có đơn K nghiệpị xem xét, với nội D, quan điểm: Hiện nay Nghiệpị quyết 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hết hiệu lực nên không có văn bản quy phạm pháp luật nào hướng dẫn như thế nào là gây cản trở giao thông nghiệpiêm trọng… Trong khi văn bản số 150/CCQLĐBIV.6 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Cục quản lý đường bộ IV.6 đã xác định Quốc lộ 1 là tuyến đường giao thông huyết mạch quan trọng của Quốc gia. Còn thời điểm xảy ra hành vi của các bị cáo thì tuyến giao thông này có bị cản trở hay không, có gây ách tắc giao thông trên diện rộng hay không hoặc cản trở như thế nào là nghiệpiêm trọng thì công văn này không nhắc đến. Do đó, các bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, nhưng hậu quả xảy ra là không lớn. Do đó, đề nghiệpị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghiệpị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người bào chữa cho các bị cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; các bị cáo Lê Thị D, Nguyễn Thanh H, Ngô Kim C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt của các bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo Ngô Văn K, Ngô Văn T tại phiên tòa phúc thẩm, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Từ 07 giờ 31 phút, ngày 24/11/2020 trên Quốc lộ 1, đoạn đường từ Km 2223 đến Km 2225+700, thuộc ấp Khúc Tréo B, xã P, thị xã G, tỉnh B các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T, Ngô Kim C và bị cáo Nguyễn Thanh H đã thực hiện các hành vi như sau:

[2.1] Bị cáo Lê Thị D đã thực hiện hành vi la hét, đứng giữa lộ dang hai tay, ngồi, nằm giữa Quốc lộ 1 để dừng các phương tiện đang tham gia giao thông trên tuyến Quốc lộ 1. Đồng thời, bị cáo D còn yêu cầu bị cáo Ngô Văn K và bị cáo Ngô Văn T điều khiển xe ô tô biển số 69A-013.54 và xe ô tô biển số 51A-592.00 ra phần đường lưu thông của Quốc lộ 1 chặn đầu xe chở vật liệu xây dựng cho ông Cẩn.

[2.2] Các bị cáo Ngô Văn K, Ngô Văn T có hành vi la lớn tiếng, điều khiển xe ô tô biển số 69A-013.54 và xe ô tô biển số 51A-592.00 ra phần đường lưu thông của Quốc lộ 1. Hậu quả, làm cho các phương tiện ô tô khác không thể lưu thông qua đoạn đường này, gây ùn tắc giao thông.

[2.3] Theo biên bản ghi lời khai, hỏi cung và các đơn yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh H thừa nhận có thực hiện hành vi như cáo T đã truy tố. Tuy nhiên, bào chữa cho rằng việc di chuyển xe là làm theo yêu cầu của người có thẩm quyền để không làm cản trở giao thông. Xét thấy, theo hình ảnh và biên bản kiểm tra USB ngày 02/12/2020 (BL447), thể hiện khi bị cáo di chuyển thì phía trước xe không có chướng ngại vật nên việc bị cáo di chuyển xe và hãm phanh để dừng xe lại thì xe vẫn còn giữa đường Quốc lộ 1; mặt khác trước khi bị cáo di chuyển xe màu đen thì xe màu xanh đang đậu phần đường bên trái hướng Cà Mau – Bạc Liêu, còn chiếc xe màu đen bị cáo K mới di chuyển đến vạch giữa đường, tại thời điểm này còn gần ½ làn đường bên phải hướng Cà Mau – Bạc Liêu và xe vẫn còn có chỗ lưu thông cho xe ô tô khác. Khi bị cáo di chuyển xe màu đen lấn sang phần đường bên phải thì không còn đường để các ô tô khác lưu thông qua đoạn đường này. Điều này, phù hợp với kết luận giám định số 6124/C09B ngày 27 tháng 11 năm 2020, của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành Phố Hồ Chí Minh, đã kết luận "*xe ô tô màu đen ban đầu đậu chắn ngang phần đường từ phải sang trái màn hình camera, sau đó di chuyển đậu chắn ngang phần đường theo hướng từ trái sang phải màn hình camera*". Do đó, lời bào chữa của bị cáo H là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Bị cáo Ngô Kim C có hành vi la hét, nằm, ngồi giữa Quốc lộ 1, trèo lên nóc xe ô tô biển số 69A-013.54, la lớn tiếng nhằm dừng các phương tiện đang tham gia giao thông.

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo đã gây cản trở, ùn tắc giao thông trên Quốc lộ 1 từ cột Km 2223 đến cột Km 2225+700, với thời gian 02 giờ 16 phút 20 giây. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn cho xã hội, các bị cáo tỏ thái độ xem thường pháp luật và đã phá vỡ trình T ổn định nơi công cộng, đã xâm phạm đến trật tự chung, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường ở những nơi công cộng. Do đó, hành vi của các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T, Ngô Kim C và bị cáo Nguyễn Thanh H đã đủ yếu tố, dấu hiệu cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại Điều 318 Bộ luật hình sự.

[4] Mặt khác, theo văn bản số 150/CCQLĐBIV.6 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Cục quản lý đường bộ IV.6 đã xác định Quốc lộ 1 là tuyến đường giao thông huyết mạch quan trọng của Quốc gia. Ngoài việc gây cản trở giao thông trên 02 giờ thì hành vi của các bị cáo còn gây cản trở giao thông ở những tuyến giao thông quan trọng, làm ùn tắc giao thông trên diện rộng từ cột Km 2223 đến cột 2225+700; Vì vậy, các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T, Ngô Kim C và bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Gây rối trật tự công cộng" với tình

tiết định khung tăng nặng "Gây cản trở giao thông nghiệpiêm trọng…" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B đã xử phạt các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T, Ngô Kim C và bị cáo Nguyễn Thanh H với tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Các bị cáo bị xử phạt theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã có xem xét đến vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Từ đó, xử phạt bị cáo Lê Thị D 03 năm tù; các bị cáo Ngô văn K, Ngô Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh H, mỗi bị cáo 02 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo Ngô Kim C 02 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo. Hành vi của các bị cáo đã gây ùn tắc giao thông trên diện rộng, diễn ra trong thời gian hơn 02 giờ nên các bị cáo cho rằng bản thân được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ chấp nhận. Đối với bị cáo Lê Thị D, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo D là thiếu sót, cấp phúc thẩm cần bổ sung tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo D. Tuy nhiên, như đã nhận định trên Bản án sơ thẩm đã quyết định hình phạt phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[6] Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thanh H và bị cáo Ngô Kim C, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: bị cáo Nguyễn Thanh H chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghiệpị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đối với bị cáo Ngô Kim C, bị cáo phạm vào tội thuộc trường hợp nghiệpiêm trọng nhưng tham gia với vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án nên được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Mặt khác, trong vụ án này các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T, Ngô Kim C có mối quan hệ mẹ - con; bị cáo Nguyễn Thanh H và bị cáo Ngô Kim C là vợ chồng. Nếu bắt tất cả các bị cáo phải chấp hành án giam thì có phần quá nghiệpiêm khắc. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần sửa một phần bản án sơ thẩm, cho bị cáo Ngô Kim C được hưởng án treo để thể hiện tính nhân văn, chính sách khoan hồng của pháp luật cũng như tạo điều kiện cho bị cáo C có thời gian quản lý gia đình và chăm sóc các con chưa thành niên.

[7] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh H; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ngô Kim C; Chấp nhận một phần đề nghiệpị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B về việc cho bị cáo C được hưởng án treo;

[8] Về án phí: Các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T, Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghiệpị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghiệpị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh H; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ngô Kim C; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B về hình phạt đối với bị cáo Ngô Kim C.

2. Tuyên bố các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T, Nguyễn Thanh H và bị cáo Ngô Kim C, phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"*.

3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Lê Thị D** 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/9/2021 đến ngày 28/11/2021 và từ ngày 18/3/2022 đến ngày 27/3/2022.

4. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Ngô Văn K** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/12/2020 đến ngày 09/02/2021.

- Xử phạt bị cáo **Ngô Văn T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/11/2020 đến ngày 03/12/2020.

5. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Ngô Kim C** 02 (hai) năm tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30/8/2022).

Giao bị cáo Ngô Kim C cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghiệpĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

6. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghiệpị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Thị D, Ngô Văn K, Ngô Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghiệpị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghiệpị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- VKSND TX. Giá Rai (01 bản);
- TAND TX. Giá Rai (04 bản);
- CQĐT TX. Giá Rai (01 bản);
- Chi cục THADS TX. Giá Rai (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh B (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Khang